

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 74/2006/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tư pháp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

Thanh tra Tư pháp là tổ chức thanh tra thuộc ngành Tư pháp; ở Trung ương có Thanh tra Bộ Tư pháp (sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ); ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra Sở Tư pháp (sau đây gọi tắt là Thanh tra Sở); thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành về tư pháp trong phạm vi quản lý nhà nước của ngành Tư pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng của Thanh tra Tư pháp

1. Cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước về tư pháp.
2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân Việt Nam trong việc chấp hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân nước ngoài tại Việt Nam có hoạt động trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra Tư pháp

1. Hoạt động thanh tra Tư pháp phải tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan Thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên, thành viên Đoàn thanh tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

Điều 4. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc Sở Tư pháp trong hoạt động của Thanh tra Tư pháp

1. Bộ trưởng có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Thanh tra Bộ; kiện toàn tổ chức bộ máy của Thanh tra Bộ, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo cơ quan Thanh tra theo thẩm quyền, lựa chọn, bố trí cán bộ có năng lực và phẩm chất làm công tác thanh tra; bảo đảm kinh phí, phương tiện, trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, trang phục và các điều kiện khác phục vụ hoạt động thanh tra; xử lý vấn đề chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra có nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; xem xét, xử lý kịp thời kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ theo quy định của pháp luật.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức, kiện toàn tổ chức, trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, trang phục cho Thanh tra Sở.
3. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Thanh tra Sở và bảo đảm điều kiện hoạt động; xử lý vấn đề chồng chéo trong hoạt động

thanh tra, kiểm tra có nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp; xử lý kịp thời kết luận, kiến nghị của Thanh tra Sở theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA TƯ PHÁP

Điều 5. Tổ chức Thanh tra Tư pháp

1. Thanh tra Tư pháp được tổ chức ở Trung ương là Thanh tra Bộ và ở địa phương là Thanh tra Sở.
2. Thanh tra Tư pháp có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 6. Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Tư pháp, chịu sự chỉ đạo, lãnh đạo trực tiếp của Bộ trưởng, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công tác thanh tra tư pháp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra Bộ có các phòng chuyên môn để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra Bộ.
3. Bộ trưởng quy định cụ thể về tổ chức, biên chế của Thanh tra Bộ.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra hành chính đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Tư pháp trong việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao.

2. Thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật, bao gồm: kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; thi hành án dân sự; công chứng, chứng thực; hộ tịch; nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; quốc tịch; lý lịch tư pháp; luật sư; tư vấn pháp luật;

giám định tư pháp; bán đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; trợ giúp pháp lý; đăng ký giao dịch bảo đảm; hợp tác với nước ngoài về pháp luật và công tác tư pháp khác.

3. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

6. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra.

7. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tư pháp; tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật khác do Bộ trưởng giao.

8. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra Sở; hướng dẫn, kiểm tra, các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

9. Tổng kết kinh nghiệm, xây dựng nghiệp vụ về Thanh tra Tư pháp.

10. Trung tập cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia Đoàn thanh tra.

11. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

12. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do Bộ trưởng giao.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra đối với Thanh tra Bộ.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra và tổ chức thực hiện sau khi đã được Bộ trưởng phê duyệt.

3. Trình Bộ trưởng quyết định việc thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Ra quyết định thanh tra theo thẩm quyền.

5. Khi cần thiết, ra quyết định để Thanh tra viên tiến hành thanh tra độc lập đối với một số vụ việc đơn giản, có quy mô nhỏ trên cơ sở xác định rõ đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ, thời hạn tiến hành thanh tra.

6. Giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong ngành Tư pháp.

7. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; trong trường hợp cần thiết, đề nghị Bộ trưởng triệu tập Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ họp để đề xuất biện pháp chỉ đạo, xử lý đối với các vụ việc thanh tra, khiếu nại, tố cáo phức tạp.

8. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng.

9. Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Bộ Tư pháp đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

10. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều 26 của Luật Thanh tra.

Điều 9. Thanh tra Sở

1. Thanh tra Sở là cơ quan của Sở Tư pháp, chịu sự chỉ đạo, lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành về tư pháp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở Tư pháp.

Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Việc thành lập Thanh tra Sở do Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi thống nhất ý kiến với Chánh Thanh tra tỉnh.

Biên chế của Thanh tra Sở do Giám đốc Sở quyết định.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

1. Thanh tra hành chính đối với cơ quan, tổ chức; cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở Tư pháp và thi hành án dân sự cấp huyện (theo sự ủy quyền của

Bộ trưởng Bộ Tư pháp) trong việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao.

2. Thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật gồm: kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; thi hành án dân sự cấp huyện (theo sự ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp); công chứng, chứng thực; hộ tịch; quốc tịch; lý lịch tư pháp; nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; luật sư; tư vấn pháp luật; giám định tư pháp; bán đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; trợ giúp pháp lý và công tác tư pháp khác.

3. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

6. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra.

7. Hướng dẫn, kiểm tra, các đơn vị thuộc Sở Tư pháp thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

8. Yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra.

9. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do Giám đốc Sở giao.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra đối với Thanh tra Sở.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra và tổ chức thực hiện sau khi đã được Giám đốc Sở phê duyệt.

3. Ra quyết định thanh tra theo thẩm quyền.

4. Trình Giám đốc Sở quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

5. Khi cần thiết, ra quyết định đề Thanh tra viên tiến hành thanh tra độc lập đối với một số vụ việc đơn giản, có quy mô nhỏ trên cơ sở xác định rõ đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ, thời hạn tiến hành thanh tra.

6. Giúp Giám đốc Sở quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý của Sở Tư pháp.

7. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị thuộc Sở Tư pháp trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; trong trường hợp cần thiết, đề nghị Giám đốc Sở triệu tập Thủ trưởng đơn vị thuộc Sở họp để đề xuất biện pháp chỉ đạo, xử lý đối với các vụ việc thanh tra, khiếu nại, tố cáo phức tạp.

8. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị thuộc quyền quản lý của Giám đốc Sở.

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều 29 Luật Thanh tra.

Chương III

THANH TRA VIÊN TƯ PHÁP

VÀ CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA TƯ PHÁP

Điều 12. Tiêu chuẩn của Thanh tra viên Tư pháp

1. Thanh tra viên Tư pháp (sau đây gọi tắt là Thanh tra viên) là công chức được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Thanh tra viên phải là cử nhân luật hoặc tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác và có kiến thức pháp luật trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp và đáp ứng tiêu chuẩn chung của Thanh tra viên theo quy định tại Điều 31 của Luật Thanh tra.

3. Thanh tra viên được hưởng chế độ, chính sách và được bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động thanh tra theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thanh tra viên

1. Thanh tra viên khi tiến hành thanh tra phải thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật Thanh tra và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động thanh tra.

2. Xử phạt hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Thanh tra viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và người ra quyết định thanh tra về các quyết định và biện pháp xử lý của mình.

4. Thanh tra viên có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Cộng tác viên Thanh tra Tư pháp

1. Cộng tác viên Thanh tra Tư pháp (sau đây gọi tắt là Cộng tác viên) là người được Thủ trưởng cơ quan Tư pháp hoặc Chánh Thanh tra cơ quan Tư pháp trưng tập tham gia Đoàn thanh tra.

2. Cộng tác viên phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, khách quan, công minh, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra.

3. Cộng tác viên được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật, được tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG THANH TRA TƯ PHÁP

Mục 1

HOẠT ĐỘNG THANH TRA HÀNH CHÍNH

Điều 15. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra

1. Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra Sở (sau đây gọi chung là Chánh Thanh tra) căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ công tác của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, yêu cầu giải quyết khiếu nại, tố cáo và hướng dẫn của cơ quan thanh tra cấp trên để xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra của năm sau trình Bộ trưởng, Giám đốc Sở phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 của năm trước.

2. Trong trường hợp cần điều chỉnh chương trình, kế hoạch thanh tra năm, Chánh Thanh tra có văn bản đề nghị gửi Bộ trưởng, Giám đốc Sở phê duyệt.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ trưởng, Giám đốc Sở có trách nhiệm xem xét, quyết định, thông báo cho Chánh Thanh tra và các cơ quan liên quan biết.

Điều 16. Ra quyết định thanh tra theo chương trình, kế hoạch

1. Căn cứ chương trình, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt, Chánh thanh tra ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để tiến hành thanh tra. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Giám đốc Sở ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để tiến hành thanh tra.

2. Trước khi ra quyết định thanh tra, người ra quyết định thanh tra thu thập thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến nội dung, đối tượng cần thanh tra; xác định tính chất, yêu cầu, mục đích của cuộc thanh tra, dự kiến thời gian tiến hành thanh tra; lựa chọn Trưởng Đoàn thanh tra, bố trí thành viên Đoàn thanh tra và chuẩn bị các điều kiện khác phục vụ cuộc thanh tra.

Điều 17. Ra quyết định thanh tra đột xuất

1. Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 10 Nghị định này có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc do Bộ trưởng, Giám đốc Sở giao.

2. Bộ trưởng, Giám đốc Sở ra quyết định thanh tra đột xuất trong phạm vi thẩm quyền của mình; Chánh Thanh tra trình Bộ trưởng, Giám đốc Sở quyết định việc thanh tra đột xuất.

Chậm nhất là 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị việc tiến hành thanh tra đột xuất của Chánh Thanh tra cùng cấp, Bộ trưởng, Giám đốc Sở có trách nhiệm xem xét, quyết định việc thanh tra và thông báo cho Chánh Thanh tra.

3. Căn cứ vào quyết định phê duyệt của Bộ trưởng, Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để tiến hành thanh tra. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Giám đốc Sở ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để tiến hành thanh tra.

4. Trường hợp phát hiện vụ việc vi phạm pháp luật cần phải áp dụng ngay các biện pháp xử lý, Chánh Thanh tra ra quyết định thanh tra, đồng thời báo cáo ngay với Bộ trưởng, Giám đốc Sở.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người ra quyết định thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên và các thành viên khác của Đoàn thanh tra

1. Người ra quyết định thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại các Điều 42, 43 của Luật Thanh tra, khoản 3 Điều 26, các Điều

27, 28, 30, 31, 32, 35 và Điều 36 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra (sau đây gọi tắt là Nghị định số 41/2005/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Trưởng Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 39 của Luật Thanh tra, các Điều 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 và Điều 34 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trưởng Đoàn thanh tra chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

3. Thành viên Đoàn thanh tra là Thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật Thanh tra, khoản 1 Điều 26, các Điều 27 và 28 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP.

4. Thành viên khác trong Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều 40 của Luật Thanh tra và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

Điều 19. Ra quyết định thanh tra theo chương trình, kế hoạch

1. Căn cứ chương trình, kế hoạch thanh tra đã được Bộ trưởng, Giám đốc Sở phê duyệt, Chánh Thanh tra ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra hoặc phân công Thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ thanh tra để tiến hành thanh tra. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Giám đốc Sở ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để tiến hành thanh tra.

2. Trường hợp Chánh Thanh tra phân công nhiệm vụ cho Thanh tra viên tiến hành thanh tra độc lập thì việc phân công đó phải bằng văn bản trong đó nêu rõ phạm vi, nhiệm vụ, thời hạn tiến hành thanh tra.

Điều 20. Ra quyết định thanh tra đột xuất

1. Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 10 Nghị định này có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc do Bộ trưởng, Giám đốc Sở giao.

2. Chánh Thanh tra Bộ trình Bộ trưởng, Chánh Thanh tra Sở trình Giám đốc Sở quyết định việc thanh tra đột xuất.

Chậm nhất là 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị việc tiến hành thanh tra đột xuất của Chánh Thanh tra, Bộ trưởng, Giám đốc Sở có trách nhiệm xem xét, quyết định việc thanh tra và thông báo cho Chánh Thanh tra.

3. Căn cứ vào quyết định phê duyệt của Bộ trưởng, Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để tiến hành thanh tra.

Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Giám đốc Sở ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để tiến hành thanh tra. Căn cứ vào báo cáo kết quả thanh tra, Bộ trưởng, Giám đốc Sở có thể ủy quyền cho Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra Sở cử Đoàn thanh tra ra kết luận thanh tra.

4. Trường hợp phát hiện vụ việc vi phạm pháp luật cần phải áp dụng ngay các biện pháp xử lý, Chánh Thanh tra ra quyết định thanh tra, đồng thời báo cáo ngay với Bộ trưởng, Giám đốc Sở.

Điều 21. Thẩm quyền của Thanh tra viên trong trường hợp khẩn cấp

Trường hợp khẩn cấp cần ngăn chặn, xử lý ngay hành vi vi phạm, Thanh tra viên được áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để xử lý hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời báo cáo ngay với Chánh Thanh tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các biện pháp xử lý của mình.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người ra quyết định thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên là thành viên Đoàn thanh tra

1. Người ra quyết định thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 52 của Luật Thanh tra, khoản 3 Điều 26, các Điều 27, 28, 30, 31, 32, 35 và Điều 36 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

2. Trưởng Đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quy định tại Điều 49 của Luật Thanh tra, khoản 2 Điều 26, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 và Điều 35 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

3. Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, Thanh tra viên là thành viên Đoàn thanh tra chuyên ngành có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 50 của

Luật Thanh tra, khoản 1 Điều 26, Điều 27 và Điều 28 của Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

Mục 3

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA ĐỐI TƯỢNG THANH TRA; TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN; GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THANH TRA

Điều 23. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đối tượng thanh tra; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Đối tượng thanh tra có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 8, các Điều 53, 54 của Luật Thanh tra, các Điều 25, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 45, 46 và khoản 2 Điều 51 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung thanh tra phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan thanh tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp. Việc cung cấp, sử dụng và quản lý thông tin, tài liệu có nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 24. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra được thực hiện theo quy định tại các Điều 49 và 50 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương V

QUAN HỆ CỦA THANH TRA TƯ PHÁP VỚI CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 25. Quan hệ của Thanh tra Tư pháp với các cơ quan thanh tra nhà nước và cơ quan, đơn vị liên quan

1. Thanh tra Bộ chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

2. Thanh tra Sở chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh và nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ.

3. Trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thanh tra Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong phòng ngừa, phát hiện, uốn nắn, khắc phục và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp.

Điều 26. Quan hệ của Thanh tra Tư pháp với cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thanh tra Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thanh tra, nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu của tội phạm, Thanh tra Tư pháp phải chuyển hồ sơ cho cơ quan Điều tra có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Cơ quan Điều tra có trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và thông báo bằng văn bản cho Thanh tra Tư pháp về kết quả xử lý vụ việc mà cơ quan Thanh tra Tư pháp đã chuyển hồ sơ đến.

Chương VI KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động thanh tra tư pháp được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 28. Xử lý vi phạm

Việc xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động thanh tra tư pháp được thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng